

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

**BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13/2005/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2005

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

Thực hiện Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi là *Nghị định 186/2004/NĐ-CP*), Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện các quy định về phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ; giải quyết những tồn tại về sử dụng hành lang an toàn đường bộ như sau:

I. PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ gồm: đất của đường bộ; hành lang an toàn đường bộ; phạm vi bảo vệ trên không, dưới mặt đất, dưới mặt nước có liên quan đến an toàn công

trình đường bộ và an toàn giao thông đường bộ, cụ thể như sau:

1. Đất của đường bộ là phần đất trên đó xây dựng các công trình đường bộ như sau:

1.1. Đường bộ (nền đường, mặt đường, mép đường, lề đường, hè phố);

1.2. Cầu đường bộ (cầu vượt sông, cầu vượt khe núi, cầu vượt trong đô thị, cầu vượt đường bộ, cầu vượt đường sắt);

1.3. Hầm đường bộ (hầm qua núi, hầm ngầm qua sông, hầm chui qua đường bộ, hầm chui qua đường sắt);

1.4. Công trình chống va trôi, tường, kè chỉnh trị dòng nước, chống sạt lở;

1.5. Đảo giao thông, dải phân cách, rào chắn, tường hộ lan;

1.6. Nơi dừng xe, đỗ xe trên đường, trạm điều khiển giao thông, trạm kiểm

tra tải trọng xe, trạm thu phí cầu, đường, các thiết bị cân, đếm xe;

1.7. Hệ thống thoát nước, chiếu sáng, hầm kỹ thuật, kè đường bộ;

1.8. Bến phà, cầu phao, nơi cất giữ phương tiện vượt sông;

1.9. Hệ thống báo hiệu đường bộ gồm đèn tín hiệu, biển báo hiệu, giá long môn, cọc tiêu, cột cây số, vạch kẻ đường;

1.10. Các mốc đo đạc, cột mốc lộ giới;

1.11. Các công trình phụ trợ an toàn giao thông.

2. Hành lang an toàn đường bộ là phần đất dọc hai bên đường bộ (*kể cả phần mặt nước sông, suối dọc hai bên cầu, hầm, bến phà, cầu phao*) nhằm bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ, bao gồm các loại:

2.1. Hành lang an toàn đối với đường (*trong đô thị, ngoài đô thị, song song với sông ngòi, kênh rạch, liền kề với đường sắt*);

2.2. Hành lang an toàn đối với cầu, cống đường bộ;

2.3. Hành lang an toàn đối với hầm đường bộ;

2.4. Hành lang an toàn đối với bến phà, cầu phao;

2.5. Hành lang an toàn đối với kè đường bộ.

3. Giới hạn phạm vi bảo vệ hành lang

an toàn đường bộ được quy định từ Điều 13 đến Điều 17 Nghị định 186/2004/NĐ-CP. Các cơ quan quản lý đường bộ khi xác định bề rộng hành lang an toàn đối với đường phải căn cứ cấp đường quản lý theo quy hoạch; đối với cầu phải căn cứ vào chiều dài của cầu.

4. Giới hạn phạm vi bảo vệ đối với bến xe, bãi đỗ xe, trạm điều khiển giao thông, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí cầu đường và các công trình phục vụ quản lý khai thác đường bộ là phạm vi vùng đất, vùng nước của công trình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất quy định trong giấy phép sử dụng đất.

5. Phạm vi bảo vệ trên không:

5.1. Công trình đã có trước ngày Nghị định 186/2004/NĐ-CP có hiệu lực mà phạm vi bảo vệ trên không chưa đúng quy định của Nghị định 186/2004/NĐ-CP thì tạm thời được giữ nguyên hiện trạng.

5.2. Công trình xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo phải bảo đảm đủ phạm vi bảo vệ trên không như sau:

a) Đối với đường bộ chạy dưới cầu vượt thì phạm vi bảo vệ trên không (tính không) tối thiểu là 4,75 (bốn mét bảy lăm) tính từ tim mặt đường đến điểm thấp nhất của cầu vượt không kể phần dự phòng cho tôn cao mặt đường;

b) Đối với đường dây thông tin đi phía trên đường bộ phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu từ mặt đường tới điểm thấp nhất

của đường dây thông tin là 5,50 mét (năm mét năm mươi);

c) Đối với đường dây tải điện đi phía trên đường bộ phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu của đường dây dẫn điện tại điểm thấp nhất khi dây ở trạng thái võng cực đại bằng 4,50 mét (bốn mét năm mươi) cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp do pháp luật về điện lực quy định.

Chủ công trình lưới điện chịu trách nhiệm đặt và quản lý biển báo hiệu, biển hạn chế chiều cao ở những vị trí giao chéo giữa đường dây tải điện trên cao và đường bộ đi dưới theo quy định của Điều lệ báo hiệu đường bộ Việt Nam và hướng dẫn của đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ.

6. Các công trình thiết yếu (đã được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cho phép) xây dựng ngầm dưới mặt đất, mặt nước trong phạm vi đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ phải ở chiều sâu hoặc khoảng cách theo chiều ngang không làm ảnh hưởng đến quản lý, bảo trì, khai thác và sự bền vững công trình đường bộ. Chiều sâu và khoảng cách theo chiều ngang được quy định trong giấy phép thi công do cơ quan có thẩm quyền quản lý đường bộ cấp.

7. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang đối với đường dây thông tin, đường dây tải điện (đã được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cho phép) lắp đặt trên cột điện, cột đường

dây thông tin trong hành lang an toàn đường bộ phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu như sau:

7.1. Đối với cột có chiều cao (tính từ mặt đất tại chân cột đến đỉnh cột) lớn hơn 3,75 mét (ba mét bảy năm) thì khoảng cách tính từ chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh đường đào đến chân cột tối thiểu bằng 1,3 lần chiều cao của cột;

7.2. Đối với cột có chiều cao (tính từ mặt đất tại chân cột đến đỉnh cột) nhỏ hơn hoặc bằng 3,75 mét (ba mét bảy năm) thì khoảng cách tính từ chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh đường đào đến chân cột tối thiểu bằng 5 mét (năm mét).

8. Hành lang chồng lấn giữa đường bộ và đường sắt:

Khi hành lang an toàn đường sắt chồng lấn hành lang an toàn đường bộ thì phân định hành lang an toàn được thực hiện trên nguyên tắc ưu tiên bố trí đủ hành lang an toàn đường sắt nhưng phải bảo đảm giới hạn hành lang an toàn đường sắt không đè lên mái taluy hoặc bộ phận công trình của đường bộ, cụ thể:

8.1. Trường hợp công trình đường bộ và đường sắt đi sát nhau có cùng chung rãnh dọc, thì giới hạn hành lang an toàn mỗi đường được phân định như sau:

a) Chân mái nền đường sắt hoặc đường giao tiếp giữa mái nền đường sắt với đáy rãnh dọc ở nơi nền đường sắt cao hơn hoặc bằng nền đường bộ;

b) Chân mái nền đường bộ hoặc đường

giao tiếp giữa mái nền đường bộ với đáy rãnh dọc ở nơi nền đường bộ cao hơn đường sắt.

8.2. Trường hợp công trình đường bộ, đường sắt có mép ngoài cùng của công trình sát nhau thì giới hạn hành lang an toàn của mỗi đường là mép ngoài cùng của công trình đó;

8.3. Trường hợp công trình đường bộ, đường sắt có hành lang an toàn chung giữa hai đường nhỏ hơn tổng cộng hành lang an toàn của cả đường sắt và đường bộ theo quy định thì ưu tiên bố trí đủ cho hành lang an toàn đường sắt; trường hợp giới hạn hành lang an toàn đường sắt bố trí đủ sẽ đè lên công trình đường bộ thì giới hạn hành lang an toàn đường sắt là mép ngoài cùng của công trình đường bộ.

9. Các công trình nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ nhưng ảnh hưởng đến hoạt động hoặc an toàn giao thông đường bộ phải tuân theo quy định sau:

9.1. Lò vôi, lò đúc kim loại, lò gạch, lò thủy tinh, lò gốm phải cách chân đường bộ ít nhất 25m để tránh khói bụi và ô nhiễm không khí làm giảm tầm nhìn của người điều khiển và an toàn vận hành phương tiện tham gia giao thông;

9.2. Nơi họp chợ và các điểm kinh doanh, dịch vụ phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ, tuân theo quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và mọi hoạt động không được để ảnh hưởng đến an toàn giao thông;

9.3. Các kho chứa chất nổ, chất độc, chất dễ cháy, các mỏ khai thác bằng mìn phải nằm ngoài hành lang một khoảng cách an toàn theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm an toàn giao thông khi hoạt động khai thác hoặc khi xảy ra sự cố mất an toàn;

9.4. Các công trình khác ở ngoài hành lang an toàn đường bộ nhưng ảnh hưởng đến hoạt động giao thông và an toàn giao thông đường bộ đã được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền phát hiện và yêu cầu khắc phục thì chủ công trình phải khắc phục kịp thời. Trường hợp chủ công trình không tự giác thực hiện thì cơ quan quản lý đường bộ lập hồ sơ kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

II. SỬ DỤNG, KHAI THÁC TRONG PHẠM VI ĐẤT DÀNH CHO ĐƯỜNG BỘ

1. Đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ chỉ dành để xây dựng công trình đường bộ và sử dụng, khai thác cho mục đích an toàn giao thông vận tải đường bộ. Nghiêm cấm xây dựng các công trình khác trong phạm vi đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ trừ các công trình thiết yếu quy định khoản 2 Mục này.

2. Trong trường hợp khó khăn về địa hình, địa vật hoặc yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật mà không thể xây dựng các công

trình thiết yếu ngoài phạm vi đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ thì cho phép sử dụng tạm thời đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ để xây dựng công trình thiết yếu sau: công trình phục vụ yêu cầu bảo đảm an ninh, quốc phòng; công trình ngầm đường cáp quang, đường dây tải điện, đường ống cấp nước, cấp xăng dầu, khí đốt; các công trình cột đường dây tải điện, cột đường dây thông tin. Chủ đầu tư công trình thiết yếu phải thực hiện đầy đủ các bước thỏa thuận, cấp phép thi công theo quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan, đồng thời cam kết tự di chuyển công trình khi ngành đường bộ có yêu cầu sử dụng và không đòi bồi thường.

3. Việc sử dụng hành lang an toàn ở nơi đường bộ, đường sắt chồng lấn phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý đường bộ, cơ quan quản lý đường sắt có thẩm quyền và thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Trong hành lang an toàn đường bộ được trồng cây lương thực, hoa màu, cây ăn quả, cây lấy gỗ, nuôi trồng thủy sản nhưng phải thực hiện đúng quy định của khoản 1 Điều 25 Nghị định 186/2004/NĐ-CP. Tại các khu vực đường bộ giao với đường sắt hoặc đường bộ giao với đường bộ hoặc đường cong dễ bị che khuất tầm nhìn chỉ được trồng các loại cây có chiều cao không quá 1 mét (một mét) so với vai đường ở khu vực đó.

5. Nghiêm cấm mở đường từ nhà dân đầu nối trực tiếp vào quốc lộ.

III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHO PHÉP XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TRONG PHẠM VI ĐẤT DÀNH CHO ĐƯỜNG BỘ

1. Các công trình thiết yếu nêu tại khoản 2 Mục II Thông tư này trước khi xây dựng trong phạm vi đất dành cho đường bộ, tổ chức hoặc cá nhân có liên quan phải thực hiện trình tự, thủ tục sau đây:

1.1. Đối với quốc lộ:

a) Phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản ngay từ khi lập dự án và thiết kế kỹ thuật trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Bộ Giao thông vận tải phân cấp cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền xem xét và ban hành văn bản chấp thuận như sau:

- Cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận và giải quyết các dự án nhóm A, nhóm B; các dự án liên quan đến đường cao tốc, đường cấp cao, đường cấp I, đường quản lý theo quy chế riêng phải có ý kiến chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải.

- Khu Quản lý đường bộ tiếp nhận và giải quyết dự án nhóm C và các công trình xây dựng mới, sửa chữa chưa đến mức phải lập dự án liên quan đến các quốc lộ trong khu vực Khu Quản lý đường bộ phụ trách.

b) Sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền, trong thời hạn 12 tháng đối với các dự án nhóm A, nhóm B và 6 tháng đối với dự án nhóm C và các dự án khác kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận, chủ đầu tư phải hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định quản lý đầu tư xây dựng để bảo đảm dự án được phê duyệt và triển khai xây dựng. Trước khi thi công xây dựng, chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công phải lập hồ sơ xin cấp Giấy phép thi công gửi đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp giấy phép thi công theo quy định tại điểm c khoản 1 Mục này.

c) Cấp giấy phép thi công các công trình thiết yếu nằm trong phạm vi đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ:

Các công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ chỉ được thi công khi có giấy phép thi công do Khu Quản lý đường bộ cấp, hồ sơ xin phép thi công gồm:

- Đơn xin phép thi công hạng mục liên quan đến an toàn giao thông, công trình đường bộ, hành lang an toàn đường bộ kèm theo phương án thi công bảo đảm an toàn giao thông, thời gian thi công; bản cam kết tự di chuyển công trình khi ngành đường bộ có yêu cầu sử dụng và không đòi bồi thường.

- Văn bản chấp thuận khi lập dự án và

thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật và thiết kế tổ chức thi công đã được cấp có thẩm quyền duyệt.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Khu Quản lý đường bộ có trách nhiệm xem xét và trực tiếp cấp giấy phép thi công (không được ủy quyền cho cấp dưới). Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân xin cấp phép thi công thực hiện.

Khu Quản lý đường bộ có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ chính, gửi văn bản thỏa thuận, giấy phép thi công về Cục Đường bộ Việt Nam và Thanh tra giao thông đường bộ cùng cấp để theo dõi, giám sát và xử lý khi có vi phạm xảy ra theo quy định của pháp luật.

1.2. Đối với đường địa phương: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 186/2004/NĐ-CP và tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể việc sử dụng, khai thác, cấp phép thi công phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Đấu nối đường từ khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại, dịch vụ vào quốc lộ:

2.1. Để bảo đảm an toàn giao thông và tiêu chuẩn quốc lộ, hạn chế tối đa việc đấu nối trực tiếp đường bộ từ các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư,

khu thương mại, dịch vụ vào hệ thống quốc lộ. Trường hợp triển khai xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại, dịch vụ theo quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải chỉ đạo Chủ đầu tư dự án xây dựng hệ thống đường gom nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ và đấu nối đường gom vào hệ thống đường nhánh hiện có trước khi đấu nối vào quốc lộ theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 186/2004/NĐ-CP.

2.2. Trường hợp trong khu vực chưa có đường nhánh hiện có hoặc địa phương có nhu cầu cấp thiết cần đấu nối đường gom trực tiếp vào quốc lộ thì việc đấu nối phải có quy hoạch tổng thể và thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Bước thỏa thuận quy hoạch:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập quy hoạch tổng thể khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại, dịch vụ có nhu cầu sử dụng hành lang an toàn đường bộ để mở đường nối từ đường gom khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại, dịch vụ ra quốc lộ phải thỏa thuận bằng văn bản việc sử dụng hành lang an toàn đường bộ, các vị trí đấu nối với Bộ Giao thông vận tải trước khi phê duyệt quy hoạch.

b) Bước chấp thuận về thiết kế kỹ thuật đấu nối, tổ chức nút giao, điều kiện bảo đảm an toàn giao thông cho thi công các hạng mục công trình đường đấu nối với quốc lộ:

Căn cứ văn bản thỏa thuận của Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền và giao cơ quan chức năng của tỉnh, chủ đầu tư triển khai thực hiện việc thiết kế kỹ thuật của từng điểm đấu nối cụ thể, hệ thống đường gom theo quy hoạch đã thỏa thuận, lập phương án tổ chức nút giao, điều kiện bảo đảm an toàn giao thông tại khu vực đấu nối và gửi hồ sơ đến các cơ quan quản lý đường bộ sau đây để được xem xét, chấp thuận:

- Cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận thiết kế kỹ thuật đấu nối (*đoạn nằm trong hành lang an toàn đường bộ*), phương án tổ chức nút giao, điều kiện bảo đảm an toàn giao thông, lưu giữ hồ sơ chính các điểm đấu nối liên quan đến quốc lộ cấp I, II, III và đường cao tốc.

- Khu Quản lý đường bộ chấp thuận thiết kế kỹ thuật đấu nối (*đoạn nằm trong hành lang an toàn đường bộ*), phương án tổ chức nút giao, điều kiện bảo đảm an toàn giao thông, lưu giữ hồ sơ chính đối với việc đấu nối liên quan đến quốc lộ cấp IV trở xuống.

c) Bước cấp giấy phép thi công bảo đảm an toàn giao thông:

Các công trình đường đấu nối vào quốc lộ chỉ được phép thi công sau khi có giấy phép thi công do Khu Quản lý đường bộ cấp để bảo đảm an toàn giao thông trên quốc lộ trong suốt thời gian thi công. Hồ sơ xin phép thi công do chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công lập và gửi đến Khu Quản lý đường bộ gồm:

- Đơn xin phép thi công kèm theo phương án thi công bảo đảm an toàn giao thông; thời gian thi công của nhà thầu thi công; bản cam kết tự dỡ bỏ công trình hoặc thay đổi thiết kế đấu nối khi ngành đường bộ có yêu cầu sử dụng và không đòi bồi thường;

- Văn bản thỏa thuận của Bộ Giao thông vận tải và văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật đường nối, tổ chức nút giao, các điều kiện bảo đảm an toàn giao thông của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền;

- Thiết kế kỹ thuật và thiết kế tổ chức thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Khu Quản lý đường bộ có trách nhiệm xem xét và trực tiếp cấp giấy phép thi công (*không được ủy quyền cho cấp dưới*). Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Khu Quản lý đường bộ có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ xin phép thi công bản chính và gửi giấy phép thi công về Cục Đường bộ Việt Nam và Thanh tra giao thông đường bộ cùng cấp để theo dõi, giám sát, xử lý khi có vi phạm xảy ra theo quy định của pháp luật.

2.3. Đối với các dự án có vai trò quan trọng trong ổn định xã hội như tái định cư, cải tạo môi trường, nhà máy điện, nước..., hoặc các dự án xây dựng đơn lẻ

tại những vị trí chưa hình thành khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại, dịch vụ tập trung thuộc các địa bàn Miền Núi, Tây Nguyên, trên quốc lộ có lưu lượng vận tải thấp thì trong khi chờ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy hoạch xây dựng đường gom hoặc đường địa phương, Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập danh mục các dự án cấp thiết phải đấu nối vào quốc lộ (*có văn bản thẩm định của Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính về mức độ an toàn giao thông tại khu vực đấu nối*) gửi Cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền theo phân cấp tại điểm 2.2 khoản 2 Mục III Thông tư này (*trừ bước thỏa thuận quy hoạch*) để căn cứ vào điều kiện thực tế xem xét, cho phép đấu nối tạm thời vào quốc lộ để phục vụ sản xuất, thi công với thời hạn 1 năm và gia hạn không quá 2 năm; sau thời hạn này, địa phương phải chịu trách nhiệm đóng các đường đấu nối tạm này và thực hiện theo quy hoạch của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc quy hoạch đấu nối đã thỏa thuận với Bộ Giao thông vận tải. Đối với các đường cấp 1, đường quản lý theo quy chế riêng hoặc các tuyến quốc lộ mới được đầu tư nâng cấp cải tạo thì phải có ý kiến chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải.

- Các trường hợp thay đổi, sửa đổi, bổ sung quy hoạch đã thỏa thuận hoặc phát sinh nhu cầu mới phải được chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải.

2.4. Đường gom đầu nối vào quốc lộ phải xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ, trường hợp đặc biệt do điều kiện địa hình, địa vật khó khăn hoặc không còn quỹ đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Bộ Giao thông vận tải cho phép một phần đường gom nằm trong hành lang an toàn đường bộ. Đường gom được xây dựng theo hướng chờ để sử dụng cho một dự án hoặc liên thông với các dự án liên kế nhau được đầu nối vào quốc lộ tại một điểm hoặc nhiều điểm nhưng khoảng cách giữa 2 điểm đầu nối không nhỏ hơn 1500 mét (một nghìn năm trăm mét).

3. Đầu nối các đường giao thông công cộng của địa phương vào quốc lộ:

3.1. Đường tỉnh, đường đô thị loại đặc biệt hoặc loại 1 (sau đây gọi chung là đường tỉnh) xây dựng mới đầu nối vào quốc lộ phải nằm trong quy hoạch phát triển hệ thống đường tỉnh đã được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Giao thông vận tải theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định 186/2004/NĐ-CP.

3.2. Các loại đường bộ khác khi xây dựng mới đầu nối vào quốc lộ phải có cấp kỹ thuật tối thiểu thấp hơn cấp kỹ thuật quy hoạch của quốc lộ đó 1 cấp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập quy hoạch các điểm đầu nối và thỏa thuận với Bộ Giao thông vận tải trước khi phê duyệt quy hoạch.

3.3. Cơ quan chấp thuận thiết kế, cấp phép thi công đầu nối đường giao thông

công cộng của địa phương vào quốc lộ hoặc nâng cấp, mở rộng quy mô đầu nối đường hiện có thực hiện theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Mục III Thông tư này (trừ bước thỏa thuận quy hoạch).

3.4. Các đường địa phương đã đầu nối vào quốc lộ mang tính tự phát trước ngày Nghị định 186/2004/NĐ-CP có hiệu lực chưa ảnh hưởng đến an toàn giao thông được tạm thời tồn tại; Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính phối hợp với chính quyền địa phương rà soát và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phương án xử lý, đưa vào quy hoạch, làm đường gom hoặc xóa bỏ các đường ngang vi phạm, không đủ điều kiện an toàn giao thông.

4. Đầu nối đường dẫn các cửa hàng xăng dầu vào quốc lộ:

4.1. Các cửa hàng xăng dầu xây dựng mới dọc các quốc lộ phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Nằm trong quy hoạch phát triển của hàng xăng dầu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và đã thỏa thuận với Bộ Giao thông vận tải về quy hoạch vị trí, khoảng cách giữa các cửa hàng xăng dầu, quy mô các cửa hàng xăng dầu để bảo đảm an toàn giao thông.

b) Các cửa hàng xăng dầu phải xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ, đúng vị trí quy hoạch và bảo đảm quy mô thiết kế cửa hàng xăng dầu do Bộ Thương mại quy định. Riêng các cửa hàng xăng dầu xây dựng bên đường cao

tốc, đường cấp cao, đường khai thác theo quy chế riêng, đường cấp 1 phải có quy mô thiết kế loại 1 hoặc loại 2 theo Thông tư 14/1999/TT-BTM ngày 07 tháng 7 năm 1999 của Bộ Thương mại mới được phép đấu nối vào quốc lộ.

c) Được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản đối với thiết kế đoạn đường dẫn nằm trong hành lang an toàn, thiết kế vị trí đấu nối vào quốc lộ để bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật, thoát nước và các biển báo hiệu an toàn giao thông theo quy định của Điều lệ báo hiệu đường bộ Việt Nam hiện hành.

d) Chỉ được san lấp, thi công các hạng mục công trình nằm trong hành lang an toàn đường bộ sau khi có giấy phép thi công.

đ) Cơ quan chấp thuận thiết kế, cấp phép thi công đấu nối đường dẫn của cửa hàng xăng dầu vào quốc lộ thực hiện theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Mục III của Thông tư này (*trừ bước thỏa thuận quy hoạch*).

4.2. Đối với các cửa hàng xăng dầu xây dựng tự phát, đấu nối trái phép vào quốc lộ hoặc nằm trong hành lang an toàn đường bộ, quy mô không bảo đảm hiện đang tồn tại dọc quốc lộ, cơ quan quản lý xăng dầu cấp tỉnh có trách nhiệm lập quy hoạch trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

4.3. Các trường hợp bổ sung, thay đổi vị

trí quy hoạch các cửa hàng xăng dầu hoặc phát sinh nhu cầu mới phải thỏa thuận với Bộ Giao thông vận tải.

5. Các Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính hiện đang quản lý Quốc lộ do Bộ Giao thông vận tải ủy thác quản lý có thẩm quyền cấp giấy phép thi công trên các quốc lộ được giao quản lý như thẩm quyền của Khu Quản lý đường bộ được quy định tại Thông tư này.

6. Đối với đường nối, vị trí đấu nối trên các hệ thống đường địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Nghị định 186/2004/NĐ-CP và Thông tư này quy định cụ thể việc sử dụng, khai thác, cấp phép thi công để phù hợp với pháp luật và công tác quản lý đường bộ của địa phương.

IV. GIẢI QUYẾT CÁC TỒN TẠI VỀ SỬ DỤNG HÀNH LANG AN TOÀN ĐƯỜNG BỘ TRƯỚC NGÀY NGHỊ ĐỊNH 186/2004/NĐ-CP CÓ HIỆU LỰC

1. Các công trình nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ (*sau đây gọi là sử dụng đất*) nhưng chưa ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ thì được tạm thời tồn tại nhưng phải giữ nguyên hiện trạng không được coi nói, mở rộng và người sử dụng đất phải cam kết với Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ.

Trường hợp sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ thì cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền tiến hành xác định mức độ ảnh hưởng và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất và giải quyết bồi thường, hỗ trợ đối với đất và tài sản gắn liền với đất đã có trước khi hành lang an toàn đường bộ được công bố.

2. Cơ sở giải quyết việc đền bù, giải tỏa khi bắt buộc di dời các công trình tồn tại trong hành lang an toàn theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, Luật Đất đai, Nghị định 186/2004/NĐ-CP và Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ phải căn cứ mốc thời gian xây dựng công trình nằm trong hành lang an toàn đường bộ. Các Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính chỉ đạo các đơn vị quản lý đường bộ trực thuộc phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ tài liệu điều tra, lưu trữ để lập bình đồ duỗi thẳng thể hiện vị trí, thời gian xây dựng, quy mô các công trình nằm trong đất hành lang an toàn giao thông quy định theo Nghị định 186/2004/NĐ-CP theo các mốc thời gian sau đây:

2.1. Công trình xây dựng trước ngày 21 tháng 12 năm 1982 là thời gian chưa có quy định cụ thể về hành lang an toàn đường bộ;

2.2. Công trình xây dựng từ ngày 21 tháng 12 năm 1982 đến ngày 31 tháng 12 năm 1999 là giai đoạn cấm xây dựng,

coi nói trong hành lang bảo vệ đường bộ theo Nghị định số 203/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (*nay là Chính phủ*);

2.3. Công trình xây dựng từ ngày 01 tháng 01 năm 2000 đến ngày 30 tháng 11 năm 2004 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nói trong hành lang bảo vệ đường bộ theo Nghị định số 172/1999/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh bảo vệ công trình giao thông đối với công trình giao thông đường bộ;

2.4. Công trình xây dựng sau ngày 30 tháng 11 năm 2004 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nói trong hành lang an toàn theo Nghị định 186/2004/NĐ-CP quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ (đối với đường đang khai thác) hoặc chủ đầu tư (đối với đường đang triển khai dự án xây dựng nâng cấp, cải tạo) chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xây dựng phương án cấm mốc giới xác định hành lang an toàn đường bộ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; Đồng thời chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã công bố công khai và tổ chức việc cắm mốc lộ giới trên thực địa và bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, bảo vệ

phạm vi hành lang an toàn đường bộ đã được cắm mốc lộ giới.

2. Đơn vị quản lý đường bộ có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, phát hiện, đình chỉ và lập hồ sơ các vụ việc của tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm lấn chiếm và sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ theo quy định tại Mục IV của Thông tư này. Kịp thời báo cáo và yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hành lang an toàn đường bộ bị vi phạm và thông báo cho lực lượng Thanh tra giao thông cùng cấp để xử lý theo thẩm quyền; phối hợp với các lực lượng của chính quyền địa phương để giải tỏa công trình lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ do đơn vị mình trực tiếp quản lý, đồng thời định kỳ báo cáo lên cơ quan quản lý đường bộ cấp trên về công tác quản lý hành lang an toàn đường bộ.

3. Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và biện pháp xử lý các vi phạm hành lang an toàn đường bộ mới phát sinh theo báo cáo của đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ mà chưa được giải quyết triệt để, đồng thời báo cáo kết quả và những khó khăn, vướng mắc về Cục Đường bộ Việt Nam (đối với quốc lộ) hoặc về UBND tỉnh (đối với các đường thuộc địa phương quản lý) để tiếp tục có biện pháp giải quyết.

4. Cục Đường bộ Việt Nam căn cứ các quy định của Thông tư này có trách nhiệm chỉ đạo và hướng dẫn công tác

bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong phạm vi cả nước, tổng kết và báo cáo hàng năm về công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; quy định cụ thể các nội dung bắt buộc phải có trong Giấy phép thi công để áp dụng thống nhất trên cả nước.

5. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật cần quan tâm đến việc giao đất, cho thuê đất, cấp chứng chỉ quy hoạch, giấy phép xây dựng dọc đường bộ để bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông đường bộ và không ảnh hưởng đến an toàn công trình giao thông và hoạt động giao thông vận tải; ngăn chặn và chấm dứt tình trạng dân xây dựng nhà dọc Quốc lộ, mở đường từ nhà đấu nối trực tiếp vào Quốc lộ; chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý đường bộ và lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ kể cả việc bảo vệ mốc lộ giới. Đối với các trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ cần kiên quyết giải tỏa và không bồi thường cho các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật.

6. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phát hiện và thông báo kịp thời đến cơ quan quản lý đường bộ nơi gần nhất các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

7. Thanh tra giao thông đường bộ và các cơ quan bảo vệ pháp luật ở địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền và phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ trong việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Thông tư này thay thế Thông tư số 213/2000/TT-BGTVT ngày 31 tháng 5 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 172/1999/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh bảo

vệ công trình giao thông đối với công trình giao thông đường bộ; Quyết định số 2525/2003/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành “Quy định thi công công trình trên đường bộ đang khai thác” và có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Trong quá trình thực hiện, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Giao thông vận tải những vướng mắc phát sinh để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Đào Đình Bình

19665548